

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2025

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hiếu Luân và ông Nguyễn Đăng Bôi.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa:
Ông Tô Quốc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1985 (Có mặt)

HKTT: Thôn B, xã T, huyện T, TP Hà Nội. Chỗ ở: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn K, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện T, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y trình bày:

Chị Y và anh Lê Văn K kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh L ngày 02/3/2010. Sau khi tổ chức đám cưới, chị Y về chung sống với anh K tại thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đến năm 2022 chị Y chuyển ra ngoài sinh sống, ly thân với anh K từ đó đến nay, không còn quan hệ tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Trà M1, sinh ngày 28/12/2010 và cháu Lê Hoàng Trúc M2, sinh ngày 27/01/2021. Cháu Trà M1 đang ở cùng anh K còn cháu Trúc M2 ở cùng chị Y. Ly hôn, chị Y đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trúc M2 và giao cháu Trà M1 cho anh K nuôi dưỡng. Hiện tại chị Y làm nhân viên của Công ty điện tử Hồng Hải ở Bắc Giang, thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/1 tháng và có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh L nên có điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Lê Văn K nhưng anh K đều vắng mặt trong các buổi làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm. Anh K vẫn cư trú và sinh sống ổn định tại địa phương. Qua xác minh, bà Phạm Thị H là mẹ đẻ anh Lê Văn K cho biết: Chị Y và anh K kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2010. Sau khi tổ chức đám cưới, vợ chồng chị Y, anh K chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị Y sống ly thân với anh K. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn cho

vợ chồng anh chị nhưng không thành, chị Y vẫn kiên quyết ly hôn. Dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình, anh K và chị Y đã tự thống nhất thỏa thuận về con chung, tài sản chung khi ly hôn. Anh K và chị Y có 02 con chung là cháu Lê Thị Trà M1, sinh ngày 28/12/2010 và cháu Lê Hoàng Trú M2, sinh ngày 27/01/2021. Cháu Trà M1 hiện đang ở cùng anh K còn cháu Trú M2 ở cùng chị Y theo nội dung hai bên đã thỏa thuận, anh K vẫn giữ nguyên đề nghị mỗi bên nuôi một con như hiện nay, không tranh chấp về con. Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chị Y và anh K đã thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn với anh K; đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Trú M2 và giao cháu Lê Thị Trà M1 cho anh K nuôi dưỡng; không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền; Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Y, chị Y được ly hôn với anh Lê Văn K. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Hoàng Trú M2, sinh ngày 27/01/2021; giao anh Lê Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Thị Trà M1, sinh ngày 28/12/2010. Về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Lê Văn K vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Y và anh Lê Văn K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 02/3/2010 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh L. Như vậy, hôn nhân của chị Y và anh K là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Qua xác minh xét thấy vợ chồng chị Y và anh K chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, hôn nhân không hạnh phúc. Chị Y và anh K sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan hệ tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh K đều vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Gia đình anh K cho biết vợ chồng chị Y và anh K đã được hai bên gia đình hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành, chị Y và anh K đã tự thống nhất thỏa thuận về con chung, tài sản chung khi ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của chị Y và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Y và anh K có 02 con chung là cháu Lê Thị Trà M1, sinh ngày 28/12/2010 và cháu Lê Hoàng Trúc M2, sinh ngày 27/01/2021. Kể từ khi bố mẹ ly thân, cháu Trà M1 sống cùng anh K, còn cháu Trúc M2 sống cùng chị Y. Nay ly hôn, chị Y đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trúc M2 và đồng ý giao cháu Trà M1 cho anh K nuôi dưỡng. Xét cháu Trà M1 có nguyện vọng tiếp tục ở với bố, cháu Trúc M2

còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, mặt khác việc sinh hoạt và học tập của các cháu đang ổn định, do đó tiếp tục giao cháu Trà M1 cho anh K, giao cháu Trúc M2 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho chị Y và anh K đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị Y. Chị Hoàng Thị Y được ly hôn anh Lê Văn K.

2. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Hoàng Trúc M2, sinh ngày 27/01/2021 và giao anh Lê Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Thị Trà M1, sinh ngày 28/12/2010 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho chị Y và anh K đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Y và anh K được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0016674 ngày 14/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng,
tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu HS vụ án.

Đoàn Lan Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hiếu Luân

Nguyễn Đăng Bôi

Đoàn Lan Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Lan Hương